

Biểu 01:

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND ngày 08/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định			Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Lý do
			Quyết định	TMDT			
				Tổng số	Trong đó NS TỈNH		
	TỔNG SỐ			2.692.993	1.162.162	91.174	
	Phân bổ thu hồi vốn ứng từ ngân sách tỉnh					91.174	
1	Xây dựng khu tái định cư Khu kinh tế Vân Đồn	Ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn	2255 ngày 22/7/2009; 3968 ngày 7/12/2009	417.677	46.646	5.000	1.UBND tỉnh ứng tại các Quyết định số 1454 ngày 14/6/2012, 3178/QĐ-UBND ngày 29/11/2012, 2419/QĐ-UBND ngày 23/10/2014; lý do ứng: ứng từ nguồn dự phòng tiền lương để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án. 2. Phân bổ để thu hồi vốn ứng từ nguồn ngân sách tỉnh 5.000 triệu đồng theo kiến nghị của UBKT trung ương và Kiểm toán nhà nước
2	Cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh: - Giai đoạn 1 - Cấp điện cho đảo Cái Chiên huyện Hải Hà	Công ty Điện lực Quảng Ninh	3217; 4085; 2690 ngày 26/10/2015; 27/9/2019; 3/8/2020	197.822	197.822	27.327	1. UBND tỉnh ứng tại các Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 01/6/2016, 3426 ngày 02/11/2015, 3309 ngày 29/10/2015, 2292 ngày 21/7/2016; lý do ứng: Tỉnh ứng cho NSTW để thực chuẩn bị đầu tư giai đoạn 1. 2. Phân bổ để thu hồi vốn ứng từ nguồn ngân sách tỉnh 27.327 triệu đồng theo kiến nghị của UBKT trung ương và Kiểm toán nhà nước. 3. Đến nay dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả sau đầu tư và được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
3	Thành phần số 3 Cẩm Hải - Vân Đồn thuộc Dự án đường cao tốc Hạ Long Vân Đồn	Sở Giao thông Vận tải	3169- 1/10/2015	1.652.694	917.694	30.000	1. UBND tỉnh ứng tại Quyết định số 4004/QĐ-UBND ngày 24/12/2015; lý do ứng: để thực hiện chuẩn bị đầu tư Dự án. 2. Phân bổ để thu hồi vốn ứng từ nguồn ngân sách tỉnh 30.000 triệu đồng theo kiến nghị của UBKT trung ương và Kiểm toán nhà nước. 3. Đến nay dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả sau đầu tư và được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
4	GPMB Dự án đường nối TP Hạ Long với cầu Bạch Đằng	UBND thị xã Quảng Yên	1292/QĐ-UBND ngày 18/6/2014; 2290/QĐ-UBND ngày 21/7/2016	424.800		28.847	1. UBND tỉnh ứng tại các Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 02/8/2016, Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 15/12/2016; thu hồi một phần tại Quyết định số 39 ngày 09/01/2018; lý do ứng: Tỉnh ứng cho NSTW để đẩy nhanh tiến độ GPMB của Dự án. 2. Thu hồi vốn ứng từ nguồn ngân sách tỉnh 28.847 triệu đồng theo kiến nghị của UBKT trung ương và Kiểm toán nhà nước 3. Đến nay dự án đã cơ bản hoàn thành (còn nút giao Minh Khai đang xây dựng) và đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả sau đầu tư (đang trong giai đoạn lập hồ sơ quyết toán)

Biểu 02:

BỔ SUNG VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ VỐN TRONG TRUNG HẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND ngày 08/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT		Chủ đầu tư	Quyết định			KH 2016-2020 đã bố trí	Bổ sung KH trung hạn 2016-2020	KH 2016-2020 sau điều chỉnh	Lý do
			Quyết định	TMĐT					
				Tổng số	Trong đó: NS TỈNH				
	TỔNG SỐ					3.151.862	259.000	3.410.862	
1	Tuyến đường trục chính từ cảng hàng không Quảng Ninh đến Khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn, KKT Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh (Phần xây lắp)	Sở Giao thông vận tải	3630/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 4103/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	1.426.446	1.029.446	820.000	209.000	1.029.000	Để thanh toán khối lượng hoàn thành cho dự án nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn thành chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII
2	Thanh toán nợ đọng XDCB đối với các dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán					2.331.862	50.000	2.381.862	

BIỂU 3
GIÁM KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC PHÂN BỐ TỪ NGUỒN THU ĐẦU GIÁ ĐẤT NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND ngày 08/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu *đồng*

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư đã được UBND tỉnh giao kế hoạch các năm		Kế hoạch năm 2020		KH vốn năm 2020 sau điều chỉnh		Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Phân bổ từ nguồn thu đầu giá đất	Tổng số		Trong đó: Phân bổ từ nguồn thu đầu giá đất
				Tổng số	Trong đó NSNN					
	TỔNG SỐ			15.570.390	14.891.200	4.216.000	1.097.061	3.118.939	0	
1	Cầu Cửa Lục 1	BQLDA đầu tư các công trình dân dụng và công nghiệp	4641/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.292.611	2.292.611	550.000	150.000	400.000	0	
2	Cầu Cửa Lục 3	BQLDA đầu tư các công trình dân dụng và công nghiệp	4642/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.750.950	1.750.950	350.000	100.000	250.000	0	
3	Xây dựng hoàn chỉnh nút giao Đầm Nhà Mạc (tại Km20+050, đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng)	BQLDA đầu tư các công trình dân dụng và công nghiệp	4644/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	766.741	766.741	150.000	47.061	102.939	0	
4	Đường nối từ đường cao tốc Hạ Long-Hải Phòng (km 6+700) đến đường tỉnh 331 (giai đoạn 1)	BQLDA đầu tư các công trình dân dụng và công nghiệp	4643/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.496.580	1.496.580	290.000	100.000	190.000	0	
5	Dự án Đường trung tâm thị xã Đông Triều	UBND TX Đông Triều	2747/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	404.451	100.000	100.000	30.000	70.000	0	
6	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc Đỏ - Yên Tử đoạn từ Km0+00 đến Km3+100, thành phố Uông Bí	UBND TP Uông Bí	7042/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 (H)	172.164	100.000	100.000	20.000	80.000	0	
7	Dự nguồn Phân bổ cho dự án Đường cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên					500.000	100.000	400.000	0	
8	Dự án đường nối thành phố Hạ Long với Cầu Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh (Xây lắp)	Sở Giao thông vận tải	1292/QĐ-UBND ngày 18/6/2014; 2290/QĐ-UBND ngày 21/7/2016; 4892/QĐ-UBND ngày 18/12/2017; 4372/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.416.034	6.299.371	120.000	50.000	70.000	0	
9	Đầu tư hoàn chỉnh đường trục chính phù hợp tiêu chuẩn đường cao tốc và xây dựng tuyến đường gom từ đường cao tốc đến sân bay Vân Đồn	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	QĐ số 4409/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	472.859	472.859	222.000	50.000	172.000	0	
10	Dự án Đường nối KCN Cái Lân qua KCN Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ long - Vân Đồn.	Ban quản lý dự án đầu tư XD các công trình giao thông	4622/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.299.000	1.113.088	850.000	50.000	800.000	0	
11	Khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng kết hợp Cảng cá loại I tại Vân Đồn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	QĐ số 4374/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	199.000	199.000	84.000	50.000	34.000	0	
12	Đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ của Cảnh sát PCCC tỉnh Quảng Ninh GĐ 2016-2020	Công an Tỉnh	QĐ số 3680/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	300.000	300.000	100.000	50.000	50.000	0	
13	Hỗ trợ các địa phương theo tiêu chí chấm điểm					800.000	300.000	500.000	0	

BIỂU 4

GIÁM KẾ HOẠCH VỐN CỦA CÁC NHIỆM VỤ CHI CHƯA PHÂN BỐ VÀ DỰ ÁN KHÔNG ĐẢM BẢO TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN

(Kèm theo Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND ngày 08/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Quyết định Phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Vốn cấp năm 2020		Điều hòa giảm			Vốn cấp năm 2020 sau điều hòa		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	Tổng số	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	
	Tổng cộng			24.904.158	23.115.212	1.981.373	780.006	788.955	397.464	391.491	1.583.909	388.515	
A	NGUỒN VỐN KÉO DÀI NĂM 2019 SANG NĂM 2020							391.491				388.515	
1	Giải phóng mặt bằng Dự án Đường Cao tốc Hạ Long - Vân Đồn và Cải tạo QL18 đoạn Hạ Long - Móng Dương		3188/QĐ-UBND ngày 22/10/2015; 3708/QĐ-UBND ngày 1/11/2016; 823/QĐ-UBND ngày 16/3/2018; 3368/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	2.700.325	2.700.325		37.600	9.807	0	9.807	0	27.793	
	- UBND TP Cẩm Phả	UBND TP Cẩm Phả					31.000	4.724		4.724		26.276	
	- UBND thành phố Hạ Long	UBND thành phố Hạ Long					6.600	5.083		5.083		1.517	
2	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến ven biển đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		QĐ số 2787/QĐ-UBND ngày 20/7/2017; 1012/QĐ-UBND ngày 8/3/2019; số 4626/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.454.988	1.089.988		91.649	40.250		40.250		51.399	
	- UBND huyện Hải Hà						91.649	40.250		40.250		51.399	
3	Đường nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng với Khu công nghiệp Nam Tiền Phong, thị xã Quảng Yên - Phần xây lắp	Sở GTVT	933/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 2960/QĐ-UBND ngày 14/09/2016; QĐ 741/QĐ-UBND ngày 14/3/2017; 257 ngày 21/1/2019; 3219 ngày 1/8/2019	478.390	478.390		10.000	7.000		7.000		3.000	
4	Tuyến đường trục chính thứ 2 Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà	Ban quản lý dự án đầu tư XD các công trình giao thông	4398/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	230.324	230.324		37.800	5.000		5.000		32.800	
5	Đường trục chính khu đô thị Cái Rồng	Ban quản lý dự án đầu tư XD các công trình giao thông	4129/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	419.362	419.362		51.013	20.000		20.000		31.013	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Quyết định Phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Vốn cấp năm 2020		Điều hòa giảm			Vốn cấp năm 2020 sau điều hòa		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	Tổng số	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	
6	Đường bao biển nối TP Hạ Long - TP Cẩm Phả	Ban quản lý dự án đầu tư XD các công trình giao thông	QĐDA 4399/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 2796/QĐ-UBND ngày 10/8/2020	2.290.569	2.290.569		542.477	300.000		300.000		242.477	
7	Tuyến đường 2, 3, 4 nối từ Cảng hàng không Quảng Ninh với tuyến đường trục chính Khu kinh tế Vân Đồn	BQL Khu kinh tế	QĐDA 4051/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	36.706	36.706		6.000	5.967		5.967		33	
8	Khu tái định cư xã Ngọc vùng, Huyện Vân Đồn	UBND huyện Vân Đồn	QĐ số 4456/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	34.232	24.000		3.467	3.467		3.467		0	
												0	
B	NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2020							397.464			1.583.909		
I	CÁC DỰ ÁN GIẢI NGÂN 0%							1.000					
1	Đón biên phòng cửa khẩu Càng Vân Đồn	BCH Bộ đội BP tỉnh Quảng Ninh	274/QĐ-BQP ngày 19/1/2019 và 855/QĐ-BQP ngày 17/3/2020	70.000	30.000	10.000		1.000	1.000		9.000		
II	CÁC DỰ ÁN GIẢI NGÂN DƯỚI 10%							52.737					
1	Dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Me Kong GMS lần thứ 2 (ADB)	UBND TP Móng Cái	2683/QĐ-UBND ngày 15/9/2015; 4333/QĐ-UBND ngày 23/12/2016	861.404	506.274	14.000		5.500	5.500		8.500		
2	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng Trung tâm y tế thành phố Móng Cái	Sở Y tế	QĐDA 4058/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 3390/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	233.083	233.083	50.000		40.532	40.532		9.468		
3	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh, trung tâm CDC và một số đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế	Sở Y tế	QĐ số 4394/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	790.765	790.765	1.000		886	886		114		
4	Xây dựng kè chống sạt lở sông Trới	UBND TP Hạ Long	QĐDA số 4377/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 (Huyện)	70.000	49.000	6.000		5.819	5.819		181		
III	CÁC DỰ ÁN GIẢI NGÂN TỪ 10%-50%							97.392					
1	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng Trung tâm y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	QĐDA 4378/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	89.795	89.795	52.000		26.215	26.215		25.785		
2	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng Trung tâm y tế huyện Tiên Yên	Sở Y tế	QĐDA 4383/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	85.635	85.635	36.400		5.091	5.091		31.309		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Quyết định Phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Vốn cấp năm 2020		Điều hòa giảm			Vốn cấp năm 2020 sau điều hòa		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	Tổng số	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	
3	Dự án đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất kết hợp với cải tạo nâng cấp mô hình kiến trúc Trung tâm y tế huyện Ba Chế	Sở Y tế	QĐDA 4384/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	92.340	92.340	35.000		8.723	8.723		26.277		
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về thủy sản tại Đầm Hà	UBND huyện Đầm Hà	4408/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	198.000	155.000	60.000		20.000	20.000		40.000		
5	Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên	UBND huyện Tiên Yên	QĐ số 4346/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	170.000	150.000	65.000		22.000	22.000		43.000		
6	Hệ thống chiếu sáng tại một số đoạn QL 279 tại các đoạn Km15+000-Km17+900; Km19+420-Km23+900; Km25+300-Km27+100	UBND TP Hạ Long	QĐ số 4480/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	25.508	17.000	10.000		1.623	1.623		8.377		
7	Mở rộng, nâng cấp QL 279 đoạn từ Km 27+100m đến Km 30+300m	UBND TP Hạ Long	QĐ số 4487/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	127.474	75.000	35.900		6.410	6.410		29.490		
8	Cải tạo, nâng cấp đường xuyên đảo xã Vĩnh Thục - xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	UBND TP Móng Cái	QĐ 3399/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1311/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	116.696	85.696	10.000		4.330	4.330		5.670		
9	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 331B đoạn Chợ Rộc - Bến Giang, thị xã Quảng Yên.	UBND Thị xã Quảng Yên	QDDA 4056/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	191.741	120.000	17.500		3.000	3.000		14.500		
IV	CÁC DỰ ÁN GIẢI NGÂN TRÊN 50%							246.335					
	Đối ứng các dự án thực hiện theo hình thức PPP												
1	GPMB dự án Đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn và cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Móng Dương		3188/QĐ-UBND ngày 22/10/2015; 3708/QĐ-UBND ngày 1/11/2016; 823/QĐ-UBND ngày 16/3/2018; 3368/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	2.700.325	2.700.325	20.921		6.164	6.164		14.757		
	- UBND thành phố Hạ Long	UBND thành phố Hạ Long				20.921		6.164	6.164		14.757		
2	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến ven biển đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		QĐ số 2787/QĐ-UBND ngày 20/7/2017; 1012/QĐ-UBND ngày 8/3/2019; số 4626/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.454.988	1.089.988	23.178		4.635	4.635		18.543		
	- UBND huyện Tiên Yên	UBND huyện Tiên Yên				23.178		4.635	4.635		18.543		
3	Trụ sở làm việc các Ban Xây dựng Đảng, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong tỉnh (Tiền thuê trụ sở + chi phí dịch vụ quản lý tòa nhà)	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	433/QĐ-UBND ngày 10/2/2015; 3185/QĐ-UBND ngày 30/9/2016			44.000		4.655	4.655		39.345		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Quyết định Phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Vốn cấp năm 2020		Điều hòa giảm			Vốn cấp năm 2020 sau điều hòa		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	Tổng số	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	
	Các dự án trọng điểm theo Nghị quyết 130/NQ-HĐND ngày 14/3/2014												
4	Dự án đường nối thành phố Hạ Long với Cầu Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh - Phần GPMB		1292/QĐ-UBND ngày 18/6/2014; 2290/QĐ-UBND ngày 21/7/2016; 4892/QĐ-UBND ngày 18/12/2017; 4372/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.416.034	6.299.371								
	- UBND TP Hạ Long	UBND TP Hạ Long				40.000		7.100	7.100		32.900		
	Dự án khác												
5	Đường đầu nối từ Quốc lộ 279 đến Tỉnh lộ 342 qua trung tâm xã Đồng Lâm, huyện Hoành Bồ	UBND TP Hạ Long	QĐ số 4489/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	110.473	70.000	45.000		9.663	9.663		35.337		
6	Đường đầu nối Tỉnh lộ 326 với Quốc lộ 279, đoạn qua Cụm công nghiệp Hoành Bồ và trung tâm xã Thống Nhất	UBND TP Hạ Long	QĐ số 4488/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	74.376	52.063	25.000		8.287	8.287		16.713		
7	Cải tạo sửa chữa một số hạng mục công trình thuộc Trung tâm bảo trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tỉnh Quảng Ninh	Sở LĐTBXH	QĐ số 4393/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.700	14.700	8.000		1.620	1.620		6.380		
8	Sửa chữa, kiên cố hóa hệ thống kênh tưới xã Đông Ngũ và xã Đông Hải, huyện Tiên Yên	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Miền Đông Quảng Ninh	Số 4045/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	11.200	11.200	5.000		115	115		4.885		
9	Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân TP Uông Bí	Toà án tỉnh	QĐ số 4750/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	48.767	48.767	30.000		8.637	8.637		21.363		
10	Đầu tư hoàn chỉnh đường trục chính khu kinh tế Vân Đồn phù hợp với tiêu chuẩn đường cao tốc và XD đường gom từ đường cao tốc đến sân bay Vân Đồn	Ban quản lý dự án đầu tư XD các công trình giao thông	4409/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	472.859	472.859	222.000		20.000	20.000		202.000		
11	Dự án Đường nối KCN Cái Lân qua KCN Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ long - Vân Đồn.	Ban quản lý dự án đầu tư XD các công trình giao thông	4622/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.299.000	1.113.088	641.000		85.152	85.152		555.848		
12	Dự án Trụ sở Công an khu vực cảng hàng không quốc tế Vân Đồn	Công an tỉnh Quảng Ninh	QĐ Số 4482/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh	65.214	65.214	21.000		1.500	1.500		19.500		
13	Hỗ trợ xây dựng Dự án trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh Quảng Ninh	QĐĐA 4068/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.926	29.926	2.000		946	946		1.054		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Quyết định Phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Vốn cấp năm 2020		Điều hòa giảm			Vốn cấp năm 2020 sau điều hòa		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	Tổng số	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020	
14	Hỗ trợ Công an tỉnh đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Hải Hà	Công an tỉnh Quảng Ninh	QĐ 4509/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	15.000	15.000	5.000		2.222	2.222		2.778		
15	Hỗ trợ Công an tỉnh đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Tiên Yên	Công an tỉnh Quảng Ninh	QĐ 4510/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	15.000	15.000	5.000		4.347	4.347		653		
16	Trung tâm kiểm dịch Y tế quốc tế tỉnh kết hợp trạm kiểm dịch y tế cửa khẩu Hòn Gai	Sở Y tế	QĐDA số 4386/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.315	10.315	4.000		943	943		3.057		
17	Xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế cho Trung tâm Bảo trợ tâm thần Quảng Ninh	Sở Y tế	QĐDA 4382/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	39.718	39.718	16.100		2.065	2.065		14.035		
18	Chỉnh trang đường tỉnh 334 đoạn Km9+600 đến Km13+600	UBND huyện Vân Đồn	QĐ số 4458/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	108.500	108.500	57.000		24.000	24.000		33.000		
19	Chỉnh trang cảnh quan đô thị khu vực hồ Mắt Rồng	UBND huyện Vân Đồn	QĐDA 4063/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	45.626	45.626	7.000		2.551	2.551		4.449		
20	Chỉnh trang tuyến đường từ cầu Vân Đồn đến xã Hạ Long	UBND huyện Vân Đồn	QĐDA 4314/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 4102/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	123.020	123.020	42.000		550	550		41.450		
21	Đầu tư nâng cao năng lực trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016-2020 tại thành phố Hạ Long	TT Dịch vụ việc làm Quảng Ninh	3365 ngày 30/10/2015; 5711 ngày 19/12/2019	44.971	4.471	4.014		650	650		3.364		
22	Trung tâm huấn luyện thi đấu thể thao tỉnh Quảng Ninh	BQLDA ĐT các CT Dân dụng và Công nghiệp	4260 ngày 31/10/2017	311.233	311.233	40.860		146	146		40.714		
23	Đường tuần tra đến các mốc 1339, 1340 và 1341 biên giới Việt Trung thuộc địa bàn huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 4266/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	73.790	73.790	35.000		10.000	10.000		25.000		
24	Kè chắn sóng kết hợp đường cơ động mũi Trảng Vỹ, Móng Cái	BCH quân sự tỉnh	QĐ số 4483/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	59.992	59.992	20.500		5.884	5.884		14.616		
25	Hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cửa khẩu Hoàng Mô, huyện Bình Liêu	Ban quản lý khu kinh tế	3908/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	47.277	47.277	15.000		9.503	9.503		5.497		
26	Đại học Hạ Long - giai đoạn II, tại cơ sở 1, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	Trường đại học Hạ Long	QDDA 4049/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 3215/QĐ-UBND ngày 1/8/2019	544.517	544.517	200.000		25.000	25.000		175.000		

BIỂU 5

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN TỪ NGUỒN THU HỒI VỐN ỨNG VÀ DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND ngày 08/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án :	Chủ đầu tư	Quyết định			Kế hoạch năm 2020	Lý do
			Quyết định	TMĐT			
				Tổng số	Trong đó NS TỈNH		
	TỔNG SỐ					143.030	
I	Phân bổ thu hồi vốn ứng			8.189.061	7.701.367	91.174	
1	Xây dựng khu tái định cư Khu kinh tế Vân Đồn	Ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn	2255 ngày 22/7/2009; 3968 ngày 7/12/2009	417.677	46.646	5.000	1.UBND tỉnh ứng tại các Quyết định số 1454 ngày 14/6/2012, 3178/QĐ-UBND ngày 29/11/2012, 2419/QĐ-UBND ngày 23/10/2014; lý do ứng: ứng từ nguồn dự phòng tiền lương để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án. 2. Phân bổ để thu hồi vốn ứng từ nguồn ngân sách tỉnh 5.000 triệu đồng theo kiến nghị của UBKT trung ương và Kiểm toán nhà nước
2	Cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh: - Giai đoạn 1 - Cấp điện cho đảo Cái Chiên huyện Hải Hà	Công ty Điện lực Quảng Ninh	3217; 4085; 2690 ngày 26/10/2015; 27/9/2019; 3/8/2020	197.822	197.822	27.327	1. UBND tỉnh ứng tại các Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 01/6/2016, 3426 ngày 02/11/2015, 3309 ngày 29/10/2015, 2292 ngày 21/7/2016; lý do ứng: Tỉnh ứng cho NSTW để thực chuẩn bị đầu tư giai đoạn 1. 2. Phân bổ để thu hồi vốn ứng từ nguồn ngân sách tỉnh 27.327 triệu đồng theo kiến nghị của UBKT trung ương và Kiểm toán nhà nước. 3. Đến nay dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả sau đầu tư và được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
3	Thành phần số 3 Cẩm Hải - Vân Đồn thuộc Dự án đường cao tốc Hạ Long Vân Đồn	Sở Giao thông Vận tải	3169- 1/10/2015	1.157.528	1.157.528	30.000	1. UBND tỉnh ứng tại Quyết định số 4004/QĐ-UBND ngày 24/12/2015; lý do ứng: để thực hiện chuẩn bị đầu tư Dự án. 2. Phân bổ để thu hồi vốn ứng từ nguồn ngân sách tỉnh 30.000 triệu đồng theo kiến nghị của UBKT trung ương và Kiểm toán nhà nước. 3. Đến nay dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả sau đầu tư và được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
4	Dự án đường nối TP Hạ Long với cầu Bạch Đằng (Phần GPMB)	UBND thị xã Quảng Yên	1292/QĐ-UBND ngày 18/6/2014; 2290/QĐ-UBND ngày 21/7/2016; 4892/QĐ-UBND ngày 18/12/2017; 4372/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.416.034	6.299.371	28.847	1. UBND tỉnh ứng tại các Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 02/8/2016, Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 15/12/2016; thu hồi một phần tại Quyết định số 39 ngày 09/01/2018; lý do ứng: Tỉnh ứng cho NSTW để đẩy nhanh tiến độ GPMB của Dự án. 2. Thu hồi vốn ứng từ nguồn ngân sách tỉnh 28.847 triệu đồng theo kiến nghị của UBKT trung ương và Kiểm toán nhà nước 3. Đến nay dự án đã cơ bản hoàn thành (còn nút giao Minh Khai đang xây dựng) và đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả sau đầu tư (đang trong giai đoạn lập hồ sơ quyết toán)

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định			Kế hoạch năm 2020	Lý do
			Quyết định	TMĐT			
				Tổng số	Trong đó NS TỈNH		
II	Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản cho các dự án có quyết toán dự án hoàn thành					51.556	
1	Cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn 1: Cấp điện cho đảo cái chiên huyện Hải Hà)	Công ty điện lực Quảng Ninh	3217; 4085; 2690 ngày 26/10/2015; 27/9/2019; 3/8/2020	197.822	197.822	15.995,717	QĐQT số 5548 ngày 11/12/2019
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông trục chính nối các khu chức năng chính Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn 1)	Ban QL khu Kinh tế	3270; 2386 ngày 23/10/2009; 28/7/2016	687.872	287.872	35.560,609	QĐQT số 187 ngày 15/01/2020
III	Vốn chuẩn bị đầu tư					300	
1	Mở rộng đường 334 đoạn từ sân golf Ao Tiên đến nút giao giữa đường 334 với đường vào công viên phức hợp KKT Vân Đồn	Ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn	Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 3565/QĐ-SGTV ngày 22/7/2020 của Sở Giao thông Vận tải	1.496.000	1.496.000	100	
2	Đường trục chính khu đô thị Cái Rồng, khu kinh tế Vân Đồn (giai đoạn II)	Ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn	Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 3563/QĐ-SGTV ngày 22/7/2020 của Sở Giao thông Vận tải	616.000	616.000	100	
3	Hạ tầng Kỹ thuật, Hạ tầng xã hội khu tái định cư, khu hành chính tại xã Vạn Yên, huyện Vân Đồn	Ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn	Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 2758/QĐ-SXD ngày 22/7/2020 của Sở Xây dựng	357.000	357.000	100	

BIỂU 6
PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐIỀU HÒA GIẢM

(Kèm theo Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND ngày 08/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định			Kế hoạch năm 2020	Số vốn đề nghị phân bổ, điều hòa tăng	Kế hoạch năm 2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Quyết định	TMĐT					
				Tổng số	NS TỈNH				
	TỔNG SỐ					901.623	834.913	1.736.536	
I	Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản cho các dự án có quyết toán dự án hoàn thành						40.983	40.983	
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông trục chính nối các khu chức năng chính Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn 1)	Ban QL khu Kinh tế	3270; 2386 ngày 23/10/2009; 28/7/2016	687.872	287.872		12.216,652	12.217	QĐQT số 187 ngày 15/01/2020
2	Khắc phục sạt lở do hậu quả mưa bão gây ra đối với mái taluy âm đoạn qua bãi "Dừng và khởi hành ngang dốc" thuộc Trung tâm sát hạch lái xe Quảng Ninh	Sở Giao thông Vận tải	4385 ngày 30/10/2018	7.016	7.016		2.275,581	2.276	QĐQT số 2474 ngày 01/6/2020
3	Hệ thống điện chiếu sáng và an toàn giao thông trên tuyến đường vào cảng Cái Lân	Sở Giao thông Vận tải	4359 ngày 30/10/2018	3.997	3.997		571,087	571	QĐQT số 3879 ngày 7/8/2020
4	Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà	Tòa án nhân dân tỉnh	4071 ngày 30/10/2017	21.812	19.770		1.757,517	1.758	QĐQT số 3299 ngày 10/7/2020
5	Cải tạo nâng cấp Cung văn hóa lao động Việt Nhật (GD 2) đợt 2 và cả dự án	Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Ninh	838 ngày 25/3/2016	25.252	25.252		4.268,971	4.269	QĐQT số 3866 ngày 7/8/2020
6	Xây dựng, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng Quốc lộ 279 tại các đoạn Km15+000 : Km17+900; Km19+420 : Km23+900; Km25+300 : K,27+100	UBND thành phố Hạ Long	4480 ngày 30/10/2018	25.353	17.000		3.415,968	3.416	QĐQT số 3872 ngày 7/8/2020
7	Cải tạo, nâng cấp tổng thể Trụ sở Tỉnh ủy	BQLDA ĐTXD CCT Giao thông	3616; 5323 ngày 31/10/2016; 21/12/2018	206.404	206.404		16.476,808	16.477	QĐQT số 3525 ngày 22/7/2020
II	Phân bổ cho dự án công trình trọng điểm; các dự án hoàn thành chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII					501.623	369.930	871.553	
1	Cầu Cửa Lục 1	BQLDA đầu tư các công trình dân dụng và công nghiệp	4641/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.292.611	2.292.611	400.000	150.000	550.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định			Kế hoạch năm 2020	Số vốn đề nghị phân bổ, điều hòa tăng	Kế hoạch năm 2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Quyết định	TMBT					
				Tổng số	NS TỈNH				
2	Tuyến đường trục chính từ cảng hàng không Quảng Ninh đến Khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn, KKT Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh (Phần xây lắp)	Sở Giao thông vận tải	3630/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 4103/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	1.426.446	1.029.446	101.623	219.930	321.553	
III	Dự nguồn phân bổ cho dự án Đường cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên					400.000	424.000	824.000	

BIỂU 7

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH
VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BỐ TRÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND ngày 08/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch theo Quyết định số 5155/QĐ-UBND ngày 10/12/2019; số 1287/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	Điều hòa		Kế hoạch sau điều chỉnh	Lý do
			Tăng	Giảm		
	Tổng cộng (A+B)	353.267,000	33.232,282	33.232,282	353.267,000	
A	Vốn sự nghiệp	9.456,000	182,300	3.556,320	6.081,980	
I	Hỗ trợ phát triển sản xuất	6.126,000	182,300	3.556,320	2.751,980	
1	Thành phố Hạ Long	114,000	182,300	114,000	182,300	
-	Xã Kỳ Thượng		182,300		182,300	Bổ sung vốn để hỗ trợ 14 hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách
-	Xã Đồng Lâm	114,000		114,000	0,000	Không còn đối tượng thụ hưởng theo quy định
-	Xã Đồng Sơn	0,000	0,000	0,000	0,000	
2	Huyện Bình Liêu	6.012,000	0,000	3.442,320	2.569,680	
-	Xã Đồng Văn	1.918,000		1.868,000	50,000	Không còn đối tượng thụ hưởng theo quy định
-	Xã Đồng Tâm	810,000		260,000	550,000	Không còn đối tượng thụ hưởng theo quy định
-	Xã Lục Hồn	1.200,000		13,060	1.186,940	
-	Xã Vô Ngại	1.904,000		1.121,260	782,740	Không còn đối tượng thụ hưởng theo quy định
-	Xã Húc Động	180,000		180,000	0,000	Không còn đối tượng thụ hưởng theo quy định
II	Kinh phí quản lý thực hiện Chương trình	3.330,000	0,000	0,000	3.330,000	
1	Thành phố Hạ Long	100,000	0,000	0,000	100,000	
2	Huyện Ba Chẽ	190,000	0,000	0,000	190,000	
3	Huyện Tiên Yên	120,000	0,000	0,000	120,000	
4	Huyện Bình Liêu	220,000	0,000	0,000	220,000	
5	Huyện Đầm Hà	110,000	0,000	0,000	110,000	
6	Huyện Hải Hà	90,000	0,000	0,000	90,000	
7	Ban Dân tộc	2.500,000	0,000	0,000	2.500,000	
B	Vốn hỗ trợ đầu tư	343.811,000	33.049,982	29.675,962	347.185,020	
I	Phân bổ để thu hồi vốn ứng năm 2019	63.959,000	0,000	11.296,848	52.662,152	
1	Thành phố Hạ Long	20.113,000	0,000	8.349,921	11.763,079	
-	Xã Kỳ Thượng	20.113,000		8.349,921	11.763,079	Phân bổ, thu hồi vốn ứng theo số vốn thực tế đã giải ngân năm 2019
2	Huyện Ba Chẽ	7.970,000	0,000	0,000	7.970,000	
-	Xã Thanh Sơn	2.991,000	0,000	0,000	2.991,000	
-	Xã Nam Sơn	4.979,000			4.979,000	
3	Huyện Tiên Yên	6.775,000	0,000	375,049	6.399,951	
-	Xã Hà Lâu	6.775,000	0,000	375,049	6.399,951	Phân bổ, thu hồi vốn ứng theo số vốn thực tế đã giải ngân năm 2019
4	Huyện Hải Hà	29.101,000	0,000	2.571,878	26.529,122	
-	Xã Quảng Sơn	18.480,000		1.267,179	17.212,821	Phân bổ, thu hồi vốn ứng theo số vốn thực tế đã giải ngân năm 2019
-	Xã Quảng Đức	10.621,000		1.304,699	9.316,301	Phân bổ, thu hồi vốn ứng theo số vốn thực tế đã giải ngân năm 2019
II	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng	199.852,000	33.049,982	18.379,114	214.522,868	

TT	Đơn vị	Kế hoạch theo Quyết định số 5155/QĐ-UBND ngày 10/12/2019; số 1287/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	Điều hòa		Kế hoạch sau điều chỉnh	Lý do
			Tăng	Giảm		
1	Thành phố Hạ Long	26.410,000	8.349,921	0,000	34.759,921	
-	Xã Kỳ Thượng	26.410,000	8.349,921	0,000	34.759,921	Đầu tư công trình thuộc Đề án 196
2	Huyện Ba Chẽ	19.609,000	14.080,973	0,000	33.689,973	
-	Xã Thanh Sơn	11.607,000	4.312,016	0,000	15.919,016	Đầu tư công trình thuộc Đề án 196
-	Xã Nam Sơn	1.202,000	0,000	0,000	1.202,000	
-	Xã Đồn Đạc	6.800,000	9.768,957	0,000	16.568,957	Đầu tư công trình thuộc Đề án 196
3	Huyện Tiên Yên	4.580,000	375,049	202,596	4.752,453	
-	Xã Hà Lâu	4.580,000	375,049	202,596	4.752,453	Giảm trừ so với giá trị quyết toán
4	Huyện Bình Liêu	108.881,000	1.121,260	10.686,617	99.315,643	
-	Xã Đông Ván	14.162,000		116,633	14.045,367	Giảm trừ so với giá trị quyết toán
-	Xã Đông Tâm	27.690,000	0,000	45,000	27.645,000	Giảm trừ so với giá trị quyết toán
-	Xã Lục Hồn	24.733,000	0,000	2.380,301	22.352,699	Giảm trừ so với giá trị quyết toán; Không có khả năng thực hiện, giải ngân trong năm 2020
-	Xã Vô Ngại	23.506,000	1.121,260	0,000	24.627,260	Thanh toán tồn đọng CT 135
-	Xã Húc Động	18.790,000	0,000	8.144,683	10.645,317	Giảm trừ so với giá trị quyết toán; Không có khả năng thực hiện, giải ngân trong năm 2020
5	Huyện Đầm Hà	12.272,000	0,000	939,000	11.333,000	
-	Xã Quảng Lâm	12.272,000	0,000	939,000	11.333,000	Không còn nhu cầu sử dụng vốn
6	Huyện Hải Hà	28.100,000	9.122,779	6.550,901	30.671,878	
-	Xã Quảng Sơn	16.318,000	9.122,779	0,000	25.440,779	Bổ sung thanh toán dự án, công trình còn thiếu vốn
-	Xã Quảng Đức	11.782,000	0,000	6.550,901	5.231,099	Không còn nhu cầu sử dụng vốn
III	Kinh phí thường theo Nghị quyết 140/2018/NQ-HĐND	80.000,000	0,000	0,000	80.000,000	
1	Thành phố Long	10.000,000	0,000	0,000	10.000,000	
-	Xã Đông Lâm	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
-	Xã Đông Sơn	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
2	Huyện Ba Chẽ	20.000,000	0,000	0,000	20.000,000	
-	Xã Đập Thanh	5.000,000			5.000,000	
-	Xã Nam Sơn	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
-	Xã Đồn Đạc	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
-	Xã Minh Cẩm	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
3	Huyện Tiên Yên	11.000,000	0,000	0,000	11.000,000	
-	Xã Đại Thành	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
-	Xã Đại Dục	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
-	Xã Phong Dụ	1.000,000	0,000	0,000	1.000,000	
4	Huyện Bình Liêu	21.000,000	0,000	0,000	21.000,000	
-	Xã Hoành Mô	1.000,000	0,000	0,000	1.000,000	
-	Xã Đông Tâm	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
-	Xã Tinh Húc	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
-	Xã Vô Ngại	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
-	Xã Húc Động	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
5	Huyện Đầm Hà	10.000,000	0,000	0,000	10.000,000	
-	Xã Quảng An	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
-	Xã Quảng Lợi	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
6	Huyện Hải Hà	8.000,000	0,000	0,000	8.000,000	
-	Xã Quảng Sơn	5.000,000	0,000	0,000	5.000,000	
-	Xã Quảng Phong	3.000,000	0,000	0,000	3.000,000	

BIỂU 8

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BỐ TRÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135, ĐỀ ÁN 196 NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND ngày 08/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Địa phương/Đơn vị	Tổng số	Kế hoạch theo Quyết định số 5155/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 08/9/2020					Điều chỉnh								Kế hoạch sau điều chỉnh					
			Trong đó					Tăng số		Vốn đầu tư xây dựng hạ tầng				Vốn sự nghiệp		Trong đó					
			Vốn đầu tư xây dựng hạ tầng		Vốn sự nghiệp			Tăng	Giảm	Phân bổ thu hồi vốn ứng		Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng		Hỗ trợ phát triển		Vốn đầu tư xây dựng hạ tầng		Vốn sự nghiệp			
			Phân bổ thu hồi vốn ứng năm 2019	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng năm 2020	Kinh phí thường theo Nghị quyết 140/2018/NQ-HĐND	Hỗ trợ phát triển sản xuất	Kinh phí quản lý chương trình			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Phân bổ thu hồi vốn ứng năm 2019	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng năm 2020	Kinh phí thường theo Nghị quyết 140/2018/NQ-HĐND	Hỗ trợ phát triển sản xuất	Kinh phí quản lý chương trình	
	Tổng số	353.267,00	63.960,00	199.852,00	80.000,00	6.126,00	3.330,00	33.232,28	33.232,28	0,00	11.296,85	33.049,98	18.379,11	182,30	3.556,32	353.267,00	52.662,15	214.522,87	80.000,00	2.751,98	3330
I	TP Hà Nội	56.999,00	10.113,00	26.410,00	10.000,00	114,00	100,00	8.532,22	8.463,92	0,00	8.349,92	8.349,92	0,00	182,30	114,00	56.805,30	11.763,08	34.759,92	10.000,00	182,30	100
1	Xã Kỳ Thượng	46.523,00	80.113,00	26.410,00				8.532,22	8.349,92		8.349,92	8.349,92		182,30		46.705,30	11.763,08	34.759,92	0,00	182,30	
3	Xã Đồng Lâm	5.000,00			5.000,00	114,00		0,00	114,00					114,00		5.000,00	0,00	0,00	5.000,00	0,00	
2	Xã Đồng Sơn	5.000,00			5.000,00			0,00	0,00							5.000,00	0,00	0,00	5.000,00	0,00	
4	UBND thành phố	100,00				100,00		0,00	0,00							100,00	0,00	0,00		0,00	100
II	Huyện Ba Chẽ	47.769,00	7.970,00	19.609,00	20.000,00	0,00	190,00	14.080,97	0,00	0,00	0,00	14.080,97	0,00	0,00	0,00	61.849,97	7.970,00	33.689,97	20.000,00	8,00	190
3	Xã Đáp Thanh	5.000,00			5.000,00			0,00	0,00							5.000,00	0,00	0,00	5.000,00	0,00	
5	Xã Thanh Sơn	14.598,00	2.991,00	11.607,00				4.312,02	0,00			4.312,02				18.910,02	2.991,00	15.919,02		0,00	
6	Xã Nam Sơn	11.181,00	4.979,00	1.202,00	5.000,00			0,00	0,00							11.181,00	4.979,00	1.202,00	5.000,00	0,00	
7	Xã Đồn Đặc	11.800,00		6.800,00	5.000,00			9.768,96	0,00			9.768,96				21.568,96	0,00	16.568,96	5.000,00	0,00	
2	Xã Minh Cầm	5.000,00			5.000,00			0,00	0,00							5.000,00	0,00	0,00	5.000,00	0,00	
8	UBND huyện	190,00				190,00		0,00	0,00							190,00	0,00	0,00		0,00	190
III	Huyện Tiên Yên	22.475,00	6.775,00	4.580,00	11.000,00	0,00	120,00	375,05	577,65	0,00	375,05	375,05	202,60	0,00	0,00	22.272,40	6.399,95	4.752,45	11.000,00	0,00	120
3	Xã Đại Thành	5.000,00			5.000,00			0,00	0,00							5.000,00	0,00	0,00	5.000,00	0,00	
5	Xã Đại Dục	5.000,00			5.000,00			0,00	0,00							5.000,00	0,00	0,00	5.000,00	0,00	
1	Xã Hà Lâu	11.355,00	6.775,00	4.580,00				375,05	577,65		375,05	375,05	202,60			11.152,40	6.399,95	4.752,45		0,00	
4	Xã Phong Du	1.000,00			1.000,00			0,00	0,00			1.000,00				1.000,00	0,00	0,00	1.000,00	0,00	
7	UBND huyện	120,00				120,00		0,00	0,00							120,00	0,00	0,00		0,00	120
IV	Huyện Bình Liêu	136.113,00	0,00	108.881,00	21.000,00	6.012,00	220,00	1.121,26	14.128,94	0,00	0,00	1.121,26	10.686,62	0,00	3.442,32	123.105,32	0,00	99.315,64	21.000,00	2.569,68	220
1	Xã Đồng Văn	16.080,00		14.162,00		1.918,00		0,00	1.984,63				116,63		1.868,00	14.095,37	0,00	14.045,37	0,00	50,00	
2	Xã Hoàng Mỏ	1.000,00			1.000,00			0,00	0,00							1.000,00	0,00	0,00	1.000,00	0,00	
3	Xã Đồng Tâm	33.500,00		27.690,00	5.000,00	810,00		0,00	305,00				45,00		260,00	33.195,00	0,00	27.645,00	5.000,00	550,00	
4	Xã Lục Hồn	25.933,00		24.733,00		1.200,00		0,00	2.393,36				2.380,30		13,06	23.539,64	0,00	22.352,70	0,00	1.186,94	
5	Xã Tinh Húc	5.000,00			5.000,00			0,00	0,00							5.000,00	0,00	0,00	5.000,00	0,00	
6	Xã Vô Ngại	30.410,00		23.506,00	5.000,00	1.904,00		1.121,26	1.121,26			1.121,26			1.121,26	30.410,00	0,00	24.627,26	5.000,00	782,74	
7	Xã Húc Đông	23.970,00		18.790,00	5.000,00	180,00		0,00	8.324,68				8.144,68		180,00	15.645,32	0,00	10.645,32	5.000,00	0,00	
8	UBND huyện	220,00				220,00		0,00	0,00							220,00	0,00	0,00	0,00	0,00	220
V	Huyện Đầm Hà	22.382,00	0,00	12.272,00	10.000,00	0,00	110,00	0,00	939,00	0,00	0,00	0,00	939,00	0,00	0,00	21.443,00	0,00	11.333,00	10.000,00	0,00	110
1	Xã Quảng Lâm	12.272,00		12.272,00				0,00	939,00				939,00			11.333,00	0,00	11.333,00		0,00	
2	Xã Quảng An	5.000,00			5.000,00			0,00	0,00			0,00				5.000,00	0,00	0,00	5.000,00	0,00	
3	Xã Quảng Lợi	5.000,00			5.000,00			0,00	0,00							5.000,00	0,00	0,00	5.000,00	0,00	
5	UBND huyện	110,00				110,00		0,00	0,00							110,00	0,00	0,00		0,00	110
VI	Huyện Hải Hà	65.291,00	29.101,00	28.100,00	8.000,00	0,00	90,00	9.122,78	9.122,78	0,00	2.571,88	9.122,78	6.550,90	0,00	0,00	65.291,00	26.529,12	30.671,88	8.000,00	0,00	90
1	Xã Quảng Sơn	39.798,00	18.480,00	16.318,00	5.000,00			9.122,78	1.267,18		1.267,18	9.122,78				47.653,60	17.212,82	25.440,78	5.000,00	0,00	
2	Xã Quảng Đức	22.403,00	10.621,00	11.782,00				0,00	7.855,60				6.550,90			14.547,40	9.316,30	5.231,10		0,00	
3	Xã Quảng Phong	3.000,00			3.000,00			0,00	0,00							3.000,00	0,00	0,00	3.000,00	0,00	
5	UBND huyện	90,00				90,00		0,00	0,00							90,00	0,00	0,00		0,00	90
VII	Ban Dân tộc tỉnh	2.500,00					2.500,00	0,00	0,00							2.500,00	0,00	0,00		0,00	2500

BIỂU 9
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, ĐIỀU HÒA VÀ PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020
Chương trình: Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
(Kèm theo Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND ngày 08/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2020	Kinh phí đã phân bổ	Kinh phí đề nghị điều chỉnh giảm sau khi đã phân bổ	Kinh phí dự kiến phân bổ tiếp	Kinh phí chưa có kế hoạch chi	Quyết định phân bổ vốn	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	42.347,00	28.213,15	832,58	3.466,43	11.500,00		
1	Hoạt động BCĐ tỉnh	707,00	564,90	72,00		214,10	QĐ số 1350/QĐ-UBND ngày 24.4.2020	
2	Theo dự án, nhiệm vụ phê duyệt và Chương trình OCOP (20%)	41.640,00	27.648,25	760,58	3.466,43	11.285,90		
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		5.624,79	631,58			QĐ số 754/QĐ-UBND ngày 06.3.2020	
	Dự án Chương trình khí sinh học cho ngành chăn nuôi tỉnh Quảng Ninh 2016-2020		2.658,68	631,58			Văn bản số 07/CV-KSH ngày 28/7/2020	Sở Nông nghiệp và PTNT
	Dự án phát triển vùng nuôi rươi thương phẩm kết hợp canh tác		1.002,89					
	Dự án Xây dựng mô hình gà Tiên yên thương phẩm theo quy định trình VietGap trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		1.963,23					
-	UBND huyện Ba Chẽ: Phát triển trồng rừng gỗ lớn		1.195,21				QĐ số 1144/QĐ-UBND ngày 06.4.2020	
-	Tập huấn cán bộ HTX. Liên minh HTX		762,50	16,00			QĐ số 1350/QĐ-UBND ngày 24.4.2020	
-	Tập huấn cán bộ HTX. Sở Nông nghiệp		234,75				QĐ số 1350/QĐ-UBND ngày 24.4.2020	
-	Hỗ trợ thưởng công trình phúc lợi nông thôn	-	14.000,00				QĐ số 754/QĐ-UBND ngày 06.3.2020	
	UBND TP. Móng Cái: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch khu vực Trung tâm xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái		5.000,00					
	UBND xã Hải Tiến: Nhà thi đấu thể thao đa năng xã Hải Tiến		1.000,00					
	UBND xã Thanh Lâm: Sửa chữa, nâng cấp Trạm y tế xã Thanh Lâm		1.000,00					
	UBND xã Quảng Chính: Cải tạo nâng cấp đường Đầm Sen thôn 6 xã Quảng Chính, huyện Hải Hà		1.000,00					
	UBND thành phố Uông Bí		3.000,00					
	UBND xã Tĩnh Húc: Xây dựng Vườn hoa, cây xanh xã Tĩnh Húc		1.000,00					
	UBND xã Việt Dân: Nâng cấp tuyến đường (thảm nhựa appal) đoạn từ trụ sở UBND xã đến đường tàu tuyến đường liên xã Việt Dân đi An Sinh		2.000,00					
-	Phân bổ kinh phí đề án OCOP, Ban XDNTM		1.754,00				QĐ số 1410/QĐ-UBND ngày 29.4.2020	

BIỂU 10:
ĐIỀU CHỈNH TĂNG, GIẢM NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020

Chương trình: Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

(Kèm theo Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND ngày 08/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định bố trí vốn	Tổng số vốn bố trí đầu năm 2020	Số vốn đề nghị điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
	Nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2020	QĐ số 5155/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND Tỉnh	208.200,00	11.500,00	11.500,00	208.200,00	
I	Phân bổ trực tiếp cho cấp huyện		165.853,00	0,00	11.500,00	177.353,00	
1	Huyện Hải Hà		24.782,36		2.000,00	26.782,36	
2	Huyện Đầm Hà		14.512,82		2.000,00	16.512,82	
3	Thành phố Hạ Long		20.599,09			20.599,09	
4	Huyện Cô Tô		3.121,01			3.121,01	
5	Thành phố Móng Cái		7.021,78			7.021,78	
6	Huyện Tiên Yên		18.102,08		2.000,00	20.102,08	
7	Huyện Ba Chẽ		11.860,05		1.500,00	13.360,05	
8	Huyện Vân Đồn		18.570,33			18.570,33	
9	Thị xã Quảng Yên		12.484,06		2.000,00	14.484,06	
10	Thị xã Đông Triều		23.407,61		2.000,00	25.407,61	
11	Huyện Bình Liêu		11.391,80			11.391,80	
II	Kinh phí tỉnh điều hành		42.347,00	11.500,00	0,00	30.847,00	
1	Hoạt động BCĐ Tỉnh		707,00	214,10		492,90	
2	Theo dự án, nhiệm vụ phê duyệt và Chương trình OCOP (20%)		41.640,00	11.285,90		30.354,10	